

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 53 /2017/QĐ-UBND

An Giang, ngày 25 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh
trên địa bàn tỉnh An Giang**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ: 8
Ngày: 05/9/17

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1103/TTr-STC ngày 31 tháng 7 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang. Cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng nộp lệ phí:

Tổ chức, cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy đăng ký Hộ kinh doanh, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân theo pháp luật Việt Nam phải nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ các đối tượng quy định tại Khoản 3 Điều này.

3. Các trường hợp không thu lệ phí đăng ký kinh doanh:

- a) Hộ kinh doanh, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính;
- b) Đăng ký chấm dứt, tạm ngừng kinh doanh đối với Hộ kinh doanh;
- c) Đăng ký giải thể, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đối với Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân.

4. Cơ quan thu lệ phí:

- a) Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thu lệ phí đăng ký kinh doanh Liên hiệp Hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân;
- b) Phòng Tài chính – Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thu lệ phí đăng ký Hộ kinh doanh, Hợp tác xã trên địa bàn quản lý.

5. Mức thu lệ phí:

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
I	Lệ phí đăng ký Hộ kinh doanh, Hợp tác xã		
1	Cấp mới, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh, Hợp tác xã	Đồng/lần	100.000
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh, Hợp tác xã do bị mất, cháy, rách, nát hoặc tiêu hủy	Đồng/lần	100.000
3	Cấp mới, cấp lại, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã	Đồng/lần	50.000
II	Lệ phí đăng ký Liên hiệp Hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân		
1	Cấp mới, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký Liên hiệp Hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân	Đồng/lần	200.000
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký Liên hiệp Hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân do bị mất, cháy, rách, nát hoặc tiêu hủy	Đồng/lần	200.000
3	Cấp mới, cấp lại, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Liên hiệp Hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân	Đồng/lần	100.000

6. Kê khai, nộp, quản lý lệ phí:

- a) Cơ quan thu lệ phí thực hiện kê khai, nộp số tiền lệ phí thu được theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

b) Cơ quan thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Chương, mục, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức thu lệ phí đăng ký kinh doanh:

a) Tổ chức thu, kê khai, nộp lệ phí theo quy định tại Điều 1 Quyết định này;

b) Niêm yết công khai tại địa điểm thu và công khai trên Trang thông tin điện tử của tổ chức thu lệ phí về tên lệ phí, mức thu, phương thức thu, đối tượng nộp, các trường hợp không thu lệ phí và văn bản quy định thu lệ phí;

c) Lập và cấp chứng từ thu cho người nộp lệ phí theo quy định của pháp luật, đăng ký với cơ quan thuế để sử dụng và quyết toán biên lai thu theo quy định hiện hành;

d) Thực hiện chế độ kế toán; định kỳ báo cáo quyết toán thu, nộp, sử dụng lệ phí; thực hiện chế độ công khai tài chính theo quy định của pháp luật;

đ) Báo cáo tình hình thu, nộp, quản lý lệ phí theo quy định.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện thu, nộp lệ phí trên địa bàn tỉnh; đồng thời tổng hợp các kiến nghị, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

3. Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm bảo đảm chứng từ phục vụ cho công tác thu của cơ quan thu lệ phí; hướng dẫn việc kê khai, thu, nộp, mở sổ sách, chứng từ kế toán và quyết toán lệ phí theo quy định.

4. Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn cơ quan thu lệ phí các thủ tục liên quan đến việc mở tài khoản, nộp lệ phí thu được theo quy định.

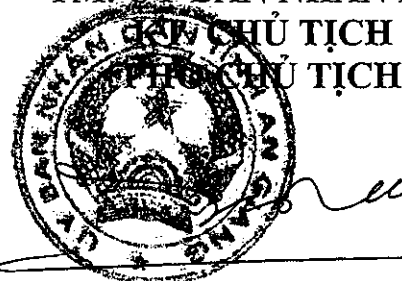
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2017 và thay thế Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận: /

- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch & các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị, thành;
- Báo & Đài PTTH An Giang;
- Cổng thông tin điện tử An Giang;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, các phòng, ban & TT;
- Lưu: HCTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Lê Văn Nưng